

GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT MỘT SỐ NƯỚC KHU VỰC TRUNG ĐÔNG

Th.S. Nguyễn Duy Lợi*

Dầu mỏ đã mang lại cho các nước Trung Đông những tiềm năng hiếm có. Hơn 65% trữ lượng dầu thế giới (khoảng gần 90 tỷ tấn) nằm ở Trung Đông. Quy mô kinh tế với một tài sản như thế là rất lớn trong thế giới hiện đại. Nhưng mới chỉ từ những năm 1960 (thành lập khối OPEC) và nhất là sau hai cú sốc dầu mỏ năm 1973 và 1979, Trung Đông mới tiến lên vị trí của một diễn viên chính trên sân khấu kinh tế - chính trị. Giữa những năm 1973 - 1974, thu nhập từ mỗi thùng dầu của Côoet đạt 35,5 USD (năm 1970 chỉ là 2 USD mỗi thùng). Những khoản tiền khổng lồ đã được đưa vào guồng máy tài chính quốc tế cũng như vào các nước đang phát triển. Giảm lượng dầu xuất khẩu (gần 1 tỷ tấn năm 1973, gần 500 triệu tấn năm 1983) một mặt nhằm tăng giá dầu, mặt khác khẳng định sức mạnh của các nước Ả-rập. Nhưng nó cũng khiến các nước tiêu thụ phản ứng lại (giảm nhập khẩu, liên quan tới khủng hoảng, tiết kiệm năng lượng hoặc đi tìm nguồn năng lượng mới).

Thái độ của OPEC đối với các nước đang phát triển vẫn chưa rõ ràng. Hỗ trợ tài chính trích từ nguồn thu dầu mỏ cao hơn 6 lần so với các nước công nghiệp hóa, song chỉ những nước Hồi giáo thù địch với Ixraen được hưởng sự trợ giúp tài chính

này và không có khoản thuế ưu đãi nào được giành cho những nước nghèo bị ảnh hưởng bởi đồng USD lên giá.

Không phải tất cả các nước Trung Đông đều là những nước sản xuất dầu lớn; Thổ Nhĩ Kỳ, Libăng, Ixraen, Giocdani, Xi Ri, Yêmen và Xu Đãng là những nước nghèo so với những nước "giàu có" như Irắc, Ả-rập Xêút, Iran, Côoet, Ôman, Cata... Còn có một Trung Đông không có dầu, chỉ được hưởng gián tiếp thứ "vàng đen" ấy. Sự trợ giúp của các nước giàu nhất với danh nghĩa tình đoàn kết giữa các dân tộc Hồi giáo và đấu tranh chống lại Ixraen, sự nhập cư của người lao động (Ả-rập Xêút có tới 40-50% lao động nguồn gốc nước ngoài trong đó 80% đến từ các nước Trung Đông), sự lên xuống giá dầu và đồng USD làm các nước này khiến gặp nhiều khó khăn.

Ở một số nước sản xuất dầu, kể cả những nước lớn nhất (Irắc, Iran, Ai Cập), nguồn thu từ dầu mỏ được dùng để chu cấp tài chính cho các dự án phát triển, đôi khi rất tốn kém (cũng như chi phí cho quân sự). Mức thu nhập từ dầu mỏ hiện nay giảm làm đảo lộn sự cân đối đã đạt được (ở Ai Cập, Libi) hoặc gây khó khăn cho việc tái thiết sau chiến tranh (Iran, Irắc, Côoet). Các nước sản xuất dầu khác thì ngược lại (một số quốc gia trên bán đảo Ả-rập như Ả-rập Xêút, Côoet) đã đi vào guồng máy dầu cơ quốc tế (dầu, đô la). Các

* Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

nước này nhìn chung chống chọi tốt hơn với khủng hoảng hiện nay vì với sức ép không đáng kể về dân số, các phương án kinh tế - chính trị không hoàn toàn chịu ảnh hưởng của sự dao động về thu nhập từ dầu mỏ.

Sự phụ thuộc về kỹ thuật cũng là điều đáng quan tâm. Thứ nhất, thu nhập từ dầu mỏ của Ả-rập Xê-út và các nước Ả-rập thống nhất dựa vào xuất khẩu gần 75% lượng dầu thô, trong khi đó nguồn thu tài chính trong những năm 1974-1985 đã có thể cho phép độc lập thực sự. Thứ hai, nhờ sự trợ giúp kỹ thuật của nước ngoài và do không có chính sách quyết tâm thực sự để phát triển công nghiệp và thương mại, nên các nước này vẫn lệ thuộc nhiều vào dầu mỏ.

Mặc dù dầu mỏ làm cho Trung Đông trở thành một khu vực giàu có của thế giới, song không phải quốc gia Trung Đông nào cũng giàu có và được hưởng lợi từ dầu mỏ như nhau. Các điều kiện tự nhiên, thể chế chính trị và chính sách phát triển kinh tế - xã hội rất khác nhau của các nước Trung Đông đã tạo nên một bức tranh đa dạng và phức tạp của khu vực này. Để hiểu cụ thể hơn về vấn đề này, bài viết sẽ đưa ra những giới thiệu khái quát về một số nước Trung Đông dưới đây:

1. Ixraen, Libăng, Gioocđani, Xi Ri

Bốn nước này tạo nên một tổng thể địa lý chia làm bốn khối: một dải hẹp ven biển có khí hậu Địa Trung Hải, các thung lũng, và cuối cùng là các bình nguyên rộng lớn (Bắc Xi Ri) hay sa mạc (Neguev - sa mạc Xi Ri).

Dân cư chung sống có nguồn gốc văn hóa, tôn giáo và lối sống khác nhau: ngoài người Hồi giáo (khoảng 75%) còn có cả người Do thái và Kitô giáo, trong khi đó dân du mục và dân định cư lại ở cạnh nhau từ hàng thế kỷ nay. Lịch sử cận đại đã phá vỡ sự cân đối tạm thời. Bốn nước này chỉ hoàn toàn giành độc lập sau chiến tranh thế giới thứ hai (Xi Ri năm 1941, Libăng năm 1943, Ixraen năm 1948, Gioocđani năm 1949).

Tình trạng căng thẳng đã làm người Ả-rập và người Do thái đối đầu nhau, do các nước Ả-rập từ chối công nhận nhà nước Ixraen. Hơn nữa, vấn đề Palextin vẫn dai dẳng. Từ 45 năm nay, nó làm cho mối quan hệ giữa các nước này càng thêm phức tạp. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến xung đột. Xi Ri muốn thu hồi lại cao nguyên Gôlan và làm mất ổn định ở Libăng mà Xi Ri coi như một vùng ảnh hưởng đặc lợi. Gioocđani đã cắt khỏi Cisjordanie năm 1967 (nhưng đã chối bỏ mọi quyền lợi trên lãnh thổ này năm 1988). Libăng chịu sự có mặt của người Palextin, sự can thiệp của Ixraen và Xi Ri làm kích động sự thù địch nội bộ hay sự đối đầu về tôn giáo và dân tộc.

Hiệp định Oasinhton (13/09/1993) giữa Ixraen và PLO (Tổ chức giải phóng Palextin) đánh dấu giai đoạn đầu tiên của việc giải quyết xung đột Ixraen - Ả-rập và xây dựng nhà nước Palextin.

- Gioocđani - nước trung gian trong thế giới Ả-rập.

Trong vấn đề Palextin, Gioocđani đã giải quyết những đối kháng nội bộ, đảm bảo được lâu bền vai trò trung gian của mình.

Gioocđani đã tránh được cạm bẫy Libăng mặc dù để mất vùng giàu có nhất là vùng Cisjordanie. Cuộc thất bại năm 1967 làm cho đất nước xuống cấp thành một vùng hoang tàn rộng lớn, đặc biệt kéo theo một vấn đề khó khăn khi dân tị nạn Palextin quá đông. Tán thành với sự nghiệp của Ả-rập, song chính phủ Amman vẫn không chấp nhận thiết lập chính quyền Palextin trên lãnh thổ của mình. Năm 1970 - 1971, một cuộc chiến tranh thực sự đã đập tan sự kháng cự của Palextin, cô lập Gioocđani tới năm 1977 (cắt đứt quan hệ với Irắc, Xi Ri, Angiêri và Libi). Hội nghị thượng đỉnh Rabat năm 1974 thừa nhận sự đại diện của PLO, xóa bỏ trách nhiệm của vua Gioocđani đối với vấn đề Palextin. Cùng năm đó, những cải

cách hiến pháp đã buộc nước Palestín phải lựa chọn giữa quốc tịch Gioocđani (vùng Cisjordanie vẫn được coi là một tỉnh cần phải thu hồi) và sự nghiệp Palestín (nếu được lựa chọn, điều này sẽ gạt người Palestín không được tham gia vào đời sống chính trị và đương nhiên cả đời sống kinh tế).

Tình hình nội bộ này vẫn không ngăn cản Gioocđani trung thành với việc thống nhất Arập (lời buộc tội của Sadate năm 1977 và các hiệp định Camp David năm 1978) đồng thời vẫn giữ nguyên các chính sách trung gian (hội nghị thượng đỉnh Amman năm 1987, thảo luận với PLO, xem xét các đề xuất của Ixraen).

Về kinh tế, nước này đã phục hồi nhờ chính sách ngặt nghèo thực hiện từ năm 1982, nhưng quyết định không công nhận Cisjordanie là một phần của vương quốc (tháng 7/1988) khiến cho vốn đầu tư của Palestín phải rút lui.

Nền kinh tế năng động không phải từ nông nghiệp cũng không phải từ công nghiệp. Nông nghiệp suy thoái do lạc hậu, chỉ riêng vùng kênh đào Ghor mới thực sự là trù phú, song không thỏa mãn được nhu cầu trong nước. Công nghiệp thiếu dầu mỏ. Gioocđani đã khôi phục kinh tế nhờ dân di cư, nhờ sự phát triển của khu vực ngân hàng ở Beyrouth và du lịch. Sự trở lại (bị ép buộc) của người Palestín giàu có từ Côoet sau chiến tranh vùng Vịnh đã mang lại nguồn đầu tư mạnh mẽ.

- Ixraen

Sự phát triển và lối sống của Ixraen luôn bị đe dọa bởi sự thù địch của các nước láng giềng và của một số kẻ lưu vong. Ixraen chiếm vùng lãnh thổ có giới hạn năm 1948, cả các lãnh thổ thuộc Gioocđani từ năm 1976 (Cisjordanie và Đông Giêruxalem) và thuộc Xi Ri (Gôlan) cũng như dải Gada. 15 năm sau cuộc gặp gỡ ở hội nghị Camp David (1987), hiệp định Oasinhton dự kiến một chế độ tự trị đối với

dải Gada và Cisjordanie, sự rút quân có kỳ hạn của quân đội Ixraen khỏi các vùng lãnh thổ này và từng bước chuyển giao quyền lực (có hạn định) cho người Palestín.

Về dân số, với 5,1 triệu người, dân số Ixraen đã tăng lên nhờ dân nhập cư người Do Thái. Người Do Thái rời khỏi Liên Xô cũ nhập cư ồ ạt vào Ixraen. Hiến pháp không phân biệt chủng tộc hay tôn giáo, song thuộc tính tôn giáo (do thái giáo) ảnh hưởng đến sự ổn định của đất nước này. Người Arập chiếm khoảng 15% dân số, phần lớn là người Hồi giáo. Họ được phân hóa giữa người trung thành với nhà nước và người theo thuộc tính tôn giáo và dân tộc, bởi lẽ sự chiếm đoạt các lãnh thổ thuộc Xi Ri và Gioocđani không giúp họ dễ dàng hơn trong sự lựa chọn nhà nước hay thuộc tính tôn giáo.

Từ năm 1987 đến 1994 và từ năm 2001 đến nay, hiện tượng nổi dậy của người Palestín tại các vùng bị chiếm đóng chia rẽ những người Do thái Ixraen và củng cố những khuynh hướng trong lòng dân chúng Arập ngoài những vùng bị chiếm đóng.

Về kinh tế, nông nghiệp phải đối mặt với sự cạnh tranh quốc tế, 92% đất thuộc tài sản nhà nước được cho thuê dài hạn. Hệ thống sản xuất vẫn do tập thể hoặc hợp tác xã chi phối, sử dụng một phần nhân công Arập. Hơn một nửa đất canh tác được tưới nước (90% nguồn nước ngầm được sử dụng), đập nước, nhà máy lọc nước thải đã thúc đẩy ngành nông nghiệp phục vụ xuất khẩu (chủ yếu là cam, bông, nho, lê...). Trong lĩnh vực công nghiệp, Ixraen giải quyết sự khan hiếm nguyên liệu (phôtphat, pôtat) và nguồn năng lượng bằng cách xây dựng ngành công nghiệp chế biến: nông lương, nước hoa quả, thuốc lá, dệt (quần áo may sẵn), chế tác kim cương (hơn 25% xuất khẩu). (Têlavít hiện là thị trường chứng khoán lớn thứ 2 trên thế giới. Bên cạnh đó, Ixraen khuyến khích các ngành mũi nhọn (tia laser dùng trong công nghiệp và y tế, vật liệu hàng

không, chụp soi, máy tính), đảm đương 30% xuất khẩu. Du lịch cũng được phát triển, song những cuộc nổi dậy đã làm giảm lượng lớn du khách nước ngoài từ năm 1988.

Mặc dù có sự kiểm soát gắt gao về lương và chi tiêu công cộng, song kinh tế tăng trưởng rất yếu, lạm phát luôn cao (hơn 12% năm 1992). Thâm hụt thương mại phần nào được bù lại bằng sự ủng hộ tài chính của Mỹ, bình quân mỗi năm trên 3 tỉ USD, bằng 12% ngân sách nhà nước.

Ixraen luôn bị tác động của các sự kiện chính trị. Những cuộc biểu tình của nhân dân trong nước đã ảnh hưởng tới ngành dệt, các công trình công cộng, du lịch và nông nghiệp. ở đây còn phải kể tới khoản nợ nước ngoài 22 tỉ USD (bằng nửa tổng thu nhập quốc nội).

- Libăng

Từ lâu là mảnh đất hiếu khách và là trung tâm tài chính của Trung Đông, Libăng là nạn nhân của chia rẽ chính trị và tôn giáo cũng như những yêu sách của Xi Ri. Về địa lý, Libăng có các thế mạnh nằm ở điểm giao nhau với cửa mở ra biển.

Chính sự năng động của người dân khiến Libăng trở thành một "Thụy Sĩ ở Trung Đông" cho tới năm 1975. Thần kỳ kinh tế đã diễn ra nhờ thương mại chu chuyển giữa Beyronth và thế giới Ả-rập (là bến cảng bản lề, Beyronth trở thành một vị trí tài chính được khích lệ bởi sự phát triển của ngành dầu mỏ). Đất nước được hưởng lợi từ hai nguồn đầu tư: đầu tư của người Libăng hải ngoại (ở châu Mỹ hoặc Tây Phi) và đầu tư của các nước Ả-rập, và được đảm bảo bởi sự ổn định chính trị và các mối quan hệ với phương Tây giàu có.

Về dân số, thảm cảnh Libăng xuất phát từ sự đa dạng về dân tộc mà vấn đề dân tộc Palestin đã nổ ra theo các khuynh hướng cực đoan. Mặc dù người Libăng chiếm hơn 80% dân số song sự chia rẽ tôn giáo khá mạnh.

Về tôn giáo, những người Hồi giáo ở Libăng chiếm trên 62% dân số do có sự bổ sung của người Palestin tị nạn, trong số đó người Shiite thường bị ảnh hưởng bởi Iran, Druzes, hoặc người Hồi giáo chính thống. Do gắn bó với chủ nghĩa dân tộc Xi Ri, tất cả họ đều đối lập với ưu thế của người Kitô giáo. Bị ảnh hưởng của dòng di cư khỏi Libăng (160.000 người đã rời khỏi Libăng từ 1990-1993), người Kitô giáo chỉ chiếm trên 30% dân số; người Maronite có khoảng 20%, người Hy Lạp chính thống giáo, Hy Lạp Thiên Chúa giáo và người Acmênia Kitô giáo mỗi nhóm chiếm 15%. Những thuộc tính tôn giáo này có tầm quan trọng lớn từ khi có sự can thiệp của Xi Ri (trong các năm 1976, 1988 và 1990) và của người Ixraen (1982). Là mảnh đất chiến chinh của người Palestin, Libăng đã rơi vào cuộc nội chiến giữa các phái theo chủ nghĩa dân tộc Xi Ri, chủ nghĩa sát nhập Iran và quyết tâm của Ixraen muốn bảo vệ lãnh thổ của mình. Tình hình gần đây đã lắng dịu, nhưng Beyronth vẫn chưa được tái thiết.

Trong bối cảnh như vậy, nền kinh tế Libăng giữ được ổn định chủ yếu nhờ nguồn vốn gửi về của người Libăng di cư. Nhưng đồng tiền lại giảm giá, lạm phát phi mã, mất an ninh trật tự, điều đó làm đảo lộn cuộc sống thường nhật của nhân dân và các hoạt động sản xuất.

- Xi Ri - cường quốc đầu tiên

Là một cường quốc quân sự ở Trung Đông, Xi Ri là hòn đá tảng cho việc giải quyết vấn đề Palestin, nhưng nước này vẫn phải chịu hậu quả kinh tế của một quốc gia chiến tranh liên miên.

Xi Ri có vị trí thuận lợi ở Trung Đông, án ngữ từ các bờ sông Euphrate tới biển Địa Trung Hải (là thị trường tiêu thụ dầu mỏ). Tiềm năng kinh tế của Xi Ri rất lớn, nhưng không được khai thác tốt, hơn nữa Xi Ri phải chịu hậu quả của các đường lối chính trị và vai trò cảnh sát khu vực rất tốn kém mà nước này đảm nhiệm.

Khoảng 30% đất được canh tác, nhưng tỷ lệ dân nông thôn còn quá lớn (50%) và năng suất nông nghiệp quá thấp, riêng chỉ có bông là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu (chiếm 70% lượng xuất khẩu nông nghiệp). Trong lĩnh vực công nghiệp, dầu mỏ ở phía đông bắc (ở Kurdistan), phốtphat (gần Palmyre) cũng như thủy điện (trên sông Euphrate) là những thế mạnh lớn. Các vùng cảng Barnias, Tartous chuyên về xuất khẩu dầu thô và hóa dầu (đảm nhiệm một nửa tổng giá trị xuất khẩu). Tuy nhiên, sự phát triển bị hạn chế và kinh tế bị đình trệ. Nợ tăng nhanh, gần 15 tỷ USD. Lợi thế dầu mỏ còn thua xa nước Ả-rập hay Irắc (sản lượng xấp xỉ 27 triệu tấn). Hàng hóa tiêu dùng đắt đỏ, chợ đen cũng phát triển đáng kể.

Việc duy trì vai trò của một cường quốc quân sự trong khu vực đã ngốn phần lớn ngân sách của Xi Ri. Gần 1/3 thu nhập được chi cho quốc phòng, chỉ 9% cho nông nghiệp và còn ít hơn nữa cho phát triển. Xi Ri không thể cáng đáng nổi các cuộc xung đột (ở Libăng), duy trì sức mạnh quân sự duy nhất trong khu vực và đảm bảo sự phát triển hài hòa trong nước. Những phương sách chính trị của Tổng thống Asad đã chìm đắm đất nước trong tình trạng chiến tranh liên miên.

Luôn ủng hộ sự nghiệp của Palectin, Xi Ri đã thành công trong việc cố gắng liên minh với Nga, tiến lại gần châu Âu (hơn 25% lượng nhập khẩu có nguồn gốc châu Âu), thông cảm với Iran vào thời điểm xảy ra phong trào Herbollah (Iran đấu tranh chống lại những người Shiite, người Amal, người Xi Ri ở Beyronth), nhận được sự trợ giúp tài chính của Ả-rập Xê-út (trong khi đó Riyad tỏ ra thù địch với chế độ Iran), trước khi nước này xích lại gần với Mỹ năm 1990 khi Irắc xâm lược Côoet (đối thủ của Xi Ri trong khu vực).

2. Ai Cập, Libi, Xu Đãng

Vùng Đông Bắc châu Phi với ba nước này gần rộng bằng châu Âu (trừ Nga),

nhưng chỉ có dưới 100 triệu dân, thuộc về Trung Đông qua lịch sử và chính trị đương đại (ít ra cũng đối với Ai Cập và Libi) cũng như qua ngôn ngữ và tôn giáo.

Về địa lý, vùng này như một vạch nối giữa Bắc và Tây châu Phi (châu Phi Xahara và ven biển Bắc Phi) và bán đảo Ả-rập. Bị cắt bởi chí tuyến, toàn bộ vùng này là sa mạc (rừng chỉ có ở nam Xu Đãng, gần xích đạo). Từ biển Đỏ tới Fezzan (Libi), sa mạc Xahara chỉ được giới hạn bởi các đường biên giới giữa Angiêri - Libi). Tuy nhiên, Xu Đãng và Ai Cập có lợi thế là được tưới nước bởi sông Nin.

Ngoài những điểm chung đó, các nước này còn có những khó khăn điển hình. Ai Cập hẹp hơn nhưng đông dân. Là nước đông dân nhất trong thế giới Ả-rập, đồng thời là trung tâm địa lý, tiềm năng kinh tế cũng bị hạn chế bởi điều kiện tự nhiên, Ai Cập phải chịu áp lực mạnh mẽ về dân số. Khác với Ai Cập, Libi còn hoang mạc hơn, nhưng ít dân hơn tới 10 - 12 lần và giàu có về dầu mỏ nên nước này luôn có sức nặng về chính trị. Xu Đãng lệch về phía nam hơn, ít hoang mạc hơn, ít dân, nhưng lại phải đối mặt với sự đối địch về tôn giáo, dân tộc giữa dân Ả-rập và dân Hồi giáo ở phía bắc, giữa dân da đen và dân theo thuyết vật linh ở miền nam.

- Ai Cập

Bất chấp những nỗ lực về ổn định chính trị, phát triển kinh tế, thâm hụt thương mại và nợ nước ngoài của Ai Cập vẫn không giảm mà một trong những nguyên nhân quan trọng là do những tác động của sức ép dân số.

Đây là vùng sa mạc rộng lớn, chưa bao giờ có mưa và Ai Cập là "một quà tặng của sông Nin", có thể khai thác 3% đất trồng. Nước này đã có nhiều cố gắng để xây dựng một nền kinh tế hiện đại. Từ năm 1974, các phương sách chính trị mới như xích lại gần phương Tây, cắt quan hệ với Liên Xô năm 1976, ký hiệp định với Ixraen về

Sinai năm 1978 - 1979) đã kích lệ nền kinh tế, cộng thêm với sự phát hiện ra dầu mỏ và việc giảm chi phí quân sự nhờ chính sách không thù địch với Ixraen đã giúp cho nền kinh tế Ai Cập có những bước phát triển.

Mặc dù đô thị hóa nhanh (Muidô-Cairo sẽ là thành phố lớn nhất châu Phi, tập trung hơn 12 triệu dân, chiếm khoảng 2% dân số Ai Cập), song Ai Cập vẫn lệ thuộc nhiều vào nông nghiệp. Cải cách ruộng đất (phân phối lại ruộng đất, lập ra các hợp tác xã) và đặc biệt là hệ thống thủy lợi phát triển đã thúc đẩy sự phát triển nhanh của một số sản phẩm chủ yếu như ngô, lúa mì, đường, cam, chanh và sản lượng của chúng đã được nâng cao nhờ chống được sâu bệnh. Sản phẩm nông nghiệp thương mại chủ yếu vẫn là bông chất lượng tốt (chiếm gần 20% sản lượng xuất khẩu) và một phần được chế biến tại chỗ. Tuy nhiên, sản lượng tăng không bắt kịp với mức tăng dân số: 38 triệu người năm 1976 lên gần 60 triệu hiện nay. Trung bình, mỗi năm dân số tăng lên khoảng 1,5 triệu người, nếu cứ giữ tốc độ hiện nay, dân số sẽ tăng gấp đôi trong vòng 25 năm tới. Do đó, nước này thường phải nhập khẩu bổ sung lương thực, chiếm 25% tổng lượng nhập khẩu.

Công nghiệp đã được khuyến khích từ năm 1974 thông qua tự do thương mại, mở lại khu vực tư nhân và khai thác dầu (Sinai, biển Đỏ). Nhà nước kết hợp với các công ty quốc tế để khai thác các mỏ dầu và việc bán dầu đảm bảo 60% kim ngạch xuất khẩu. Ai Cập có thu nhập từ việc khai thác kênh đào Xuê và du lịch, từ các nguồn tiền do dân di cư gửi về nhưng vẫn không bù đắp được thâm hụt thương mại; nợ nước ngoài dù đã giảm nhẹ, song vẫn chưa trả được.

Sông Nin được khai thác từ lâu, nhưng gần đây mới được quy hoạch. Về tổng thể việc làm này là khả quan song nó cũng đặt

ra nhiều vấn đề phải suy tính trong tương lai gần. Trên chiều dài 1.500km, sông Nin hiến tặng cho Ai Cập tài sản lâu đời nhất của mình là nước. Cho tới tận thế kỷ qua, con sông này đã mang lại sự màu mỡ của những lớp bùn từ các núi lửa Abyssinie trong thời gian từ tháng 6 đến tháng 10. Đập nước Assouan được xây dựng nhằm giải quyết vấn đề tưới tiêu trên phạm vi cả nước. Thành tựu đó thật là to lớn: hàng trăm ngàn ha được tưới nước, kéo theo sự mở rộng việc trồng bông, lúa gạo, ngô. Hơn nữa, nhà máy điện kèm theo đập nước đã cung cấp hơn 6 tỷ Kwh (khoảng 20% sản lượng điện cả nước) cho Ai Cập.

- Libi

Libi có diện tích rộng, dân số ít, tài sản lớn, dầu mỏ, và sức mạnh chính trị. Trên diện tích 1.760.000km², gấp 3 lần diện tích nước Pháp, nhưng chỉ có 5 triệu dân sinh sống và tập trung chủ yếu ở vùng duyên hải thuộc Địa Trung Hải, Libi là một sa mạc bao la, không có dòng sông nào có nước. Riêng chỉ có một số ốc đảo trong vùng Fezzan (nơi người ta sử dụng nước ngầm) và đặc biệt là đường viền ven biển Tripolitaine và Cýrénaïque (nơi mà biển Địa Trung Hải điều hòa sự sa mạc Xahara) là có dân ở thường xuyên. Nơi đông dân nhất là ở phía Tripoli và Benghazi, cách xa những thành phố chính của đất nước.

Nền kinh tế Libi gắn liền với việc khai thác các nguồn tài nguyên, đồng thời cũng gắn với các đường lối chính trị của chế độ. Dầu mỏ vừa là của cải vừa là vũ khí của Libi đã bị giảm xuống còn 50 triệu tấn vào cuối thập kỷ 1980. Sản lượng dầu hiện nay vượt qua 73 triệu tấn. Trữ lượng dầu còn khoảng 3 tỷ tấn, đảm bảo cho việc khai thác trong 40 năm nữa với nhịp độ hiện nay. Dầu mỏ chiếm 95% sản lượng xuất khẩu, bằng 1/3 tổng thu nhập quốc dân và mang lại khoảng 10 tỷ USD mỗi năm. Ngoài việc mua vũ khí, nguồn thu từ dầu

mỏ còn cho phép xây cất các công trình vĩ đại do đại tá Kadhafi khởi xướng. Sự giàu có từ dầu mỏ còn phục vụ cho nông nghiệp. Thêm vào phương thức canh tác bán du mục cổ truyền ở Tripolitaine là các loại cây trồng thâm canh, sự phát triển tưới tiêu ở Libi cũng được đầu tư bởi nguồn đôla thu từ dầu mỏ.

Libi đã tăng dung lượng lọc dầu lên 17 triệu tấn/năm. Các công trình lớn ngày một nhiều: tổ hợp hóa dầu và nhà máy hóa lỏng khí thiên nhiên ở Marsael-Brega, tổ hợp luyện gang thép ở Misourasa sử dụng khí đốt của vùng Fezzan.

Đặc biệt, "con sông lớn nhân tạo" có thể cho phép cấp nước uống cho vùng ven Libi và tưới nước cho 180.000 ha từ nguồn nước ngầm ở phía nam đất nước. Một sự tự do hóa kinh tế đã bắt đầu, các ngành y tế và giáo dục cũng đã được tư nhân hóa.

- Xu Đãng

Xung đột sắc tộc và tôn giáo khiến nước Xu Đãng nghèo tài nguyên ngày càng nghèo thêm. Là nước rộng nhất châu Phi (gấp 5 lần nước Pháp), Xu Đãng là bản lề địa lý giữa Trung Đông và châu Phi lục địa Đen. Đất nước này thuộc 3 miền khí hậu: ở phía bắc có sa mạc (Nu Bi, Libi), ở miền trung bắc từ bắc Kordofan đến Jonglei là thảo nguyên rồi đến các đồng cỏ và cây gỗ, cuối cùng là khu vực tận cùng phía nam, khí hậu cận xích đạo và rừng. Sông Nin là mối liên hệ giữa những vùng này, mang tới nguồn nước cho các thảo nguyên miền trung và hoang mạc hạ lưu Khartoum.

Sự khác biệt hay nói đúng hơn là sự đối lập giữa các dân tộc là đặc trưng của đất nước. Người Ả-rập (thường là người lai) tập trung ở 2/3 miền bắc, chiếm phần lớn dân số. Dân cư gồm nhiều chủng tộc thiểu số da đen, tập hợp ở miền nam. Hầu như toàn bộ người Ả-rập theo đạo Hồi, còn những người theo Thần giáo (da đen) chiếm khoảng 20% dân số. Hai nhóm

người này hoàn toàn đối lập nhau, đôi khi gây bạo lực. Miền nam không chấp nhận khuynh hướng chủ nghĩa sát nhập của chính phủ, chính phủ lại không ngăn cản được cuộc nội chiến mặc dù có những cố gắng phân hóa quyền lực năm 1981. Việc khám phá ra dầu mỏ ở phần phía nam đã làm tình hình trầm trọng thêm, và xuất khẩu chỉ thực hiện được ở cảng Pors (phía Đông Bắc Xudăng). Miền nam cực kỳ nghèo túng, coi đó như một sự cướp đoạt của miền bắc "theo chính trị Hồi giáo". Cuộc nội chiến này, cộng với thời tiết khắc nghiệt, khiến cho nước này càng khó khăn thêm, các vùng hoang mạc mở rộng, lượng mưa thất thường năm này qua năm khác, chăn nuôi bấp bênh. Nông nghiệp, một hoạt động hầu như bị loại bỏ, chủ yếu dựa vào việc trồng các loại cây lương thực (hạt bo bo, kê) có năng suất thấp và không ổn định, kết hợp với chăn nuôi phụ (trong vùng Kordofan, Bahrelchazal) và trồng một số cây thương mại (lạc, đường, thuốc lá, nhất là bông - nền tảng của xuất khẩu). Nội chiến và mất an ninh trật tự - kết quả của nội chiến - là nguyên nhân dẫn đến di dân cũng như nạn đói chết người. Nền công nghiệp tự phát chỉ giới hạn trong việc chế biến nông sản (dệt, nông lương). Sự suy tàn của việc khai thác dầu mỏ ở Trung Đông làm giảm lượng kiều hối của người di cư, không đủ để bù lại thâm hụt thương mại. Sự trợ giúp quốc tế không được thuận lợi do đất nước có nội chiến. Tóm lại, Xu Đãng là một nước nghèo (thu nhập đầu người chỉ vài trăm đô la một năm), nợ nặng, lạm phát cao và đồng tiền bị mất giá.

3. Thế giới Ả-rập

Bao trùm trên diện tích khoảng 3 triệu km², bán đảo Ả-rập là vị trí bản lề giữa châu Á và châu Phi. Ở phía tây giới hạn bởi biển Đỏ, phía nam giáp Ấn Độ Dương, phía đông bắc giáp vịnh Pexich, bán đảo này là một chỉnh thể địa lý đặc trưng bởi khí hậu nhiệt đới rất khô (trải dọc sa mạc

Xahara và các sa mạc khác thuộc bán cầu bắc, nhất là sa mạc Rub Alkhali). Trên 80% lãnh thổ là đất cao (chế ngự biển Đỏ) và sa mạc. Không có con sông nào thường trực ở đây. Duy chỉ ở vùng ngoại vi có những dòng sông lớn và một số đồng bằng. Đồng bằng rất hiếm, chủ yếu nằm dọc theo các bờ biển (như đồng bằng Tihama). Diện tích canh tác rất hạn chế (chỉ 3% lãnh thổ); khoảng 5% ở Xêman, dưới 1% ở Arập Xêut.

Chính thể địa lý này được chia làm 7 nước: 5 nước quân chủ (Arập Xêut, Cata, Ôman, Baranh, Côoet), một nước liên bang (các tiểu vương quốc Arập thống nhất), một nước cộng hòa (Yêmen, ra đời do sự sát nhập Bắc - Nam Yêmen năm 1990). Dù theo chính thể nào thì đây vẫn là các nước Hồi giáo có chế độ độc tài chuyên chế.

Tuy nhiên vẫn tồn tại những khác biệt trong thế giới bề ngoài có vẻ thống nhất này. Mức độ phát triển và tài sản không đều nhau, chưa kể đến tình hình địa chính trị. Tuy vậy, hoàn cảnh địa chính trị ít thay đổi sau chiến tranh vùng Vịnh (1991), bước tiếp nối của việc Ixraen xâm lược Côoet.

- Arập Xêut trong thế giới Hồi giáo.

Là trung tâm lịch sử và địa lý của đạo Hồi, Arập Xêut là một trong những nước giàu nhất thế giới. Arập Xêut là nước lớn nhất trong bán đảo Arập với diện tích 2.150.000km², đặc biệt đây là quê hương của nhà tiên tri Mohamed, với danh vị này, nó là trung tâm lịch sử và địa lý của đạo Hồi.

Sự hiện hữu của thủ phủ Lamecque trên lãnh thổ Arập Xêut là con át chủ bài tôn giáo, kinh tế và chính trị. Arập Xêut có khoảng 17,5 triệu dân, một con số bé nhỏ so với diện tích khổng lồ. Số dân này phân bố không đều. Miền trung của đất nước hầu như bỏ trống (trừ vùng Riyad).

Ngược lại, ở các bờ biển lại rất đông dân (Djedda, Yanbu). Hiện nay Arập Xêut đã đô thị hóa khoảng 75%. Rất nhiều tiểu nông tìm được việc làm nhiều tiền hơn ở thành phố, một tầng lớp tư sản thương mại đã phát triển bên cạnh tầng lớp trung lưu ở đô thị (các viên chức, các cán bộ kỹ thuật). Số công nhân đã tăng lên do tốc độ công nghiệp hóa tương đối của đất nước (xây dựng, cơ khí) nhưng phần lớn có nguồn gốc nước ngoài (chiếm 3/4 người lao động). GDP trung bình đầu người cao nhưng chênh lệch thu nhập cũng khá lớn. Tỷ lệ phổ cập giáo dục đạt 60% đối với những người dân trên 15 tuổi. Arập Xêut phát triển chậm và trì trệ dưới sự cai quản của vương triều chuyên chế, sử dụng nguồn thu nhập từ dầu mỏ.

Về kinh tế, nông nghiệp được chính quyền hỗ trợ (được trợ giá và trợ cấp của chính phủ), nhằm đưa đất nước thoát khỏi sự phụ thuộc về lương thực. Các công trình thủy lợi (về phía Abha, Djizan, Madiran) đã cho phép phát triển sản xuất ngũ cốc (có thể Arập Xêut sẽ trở thành nước xuất khẩu ngũ cốc). Chăn nuôi còn mang tính quảng canh, nhất là quá trình tập trung đất đã tạo điều kiện thuận lợi cho những chủ sở hữu giàu có nhất và làm tăng thêm sự di dân từ nông thôn ra thành phố. Phát triển công nghiệp trước hết gắn với dầu mỏ. Việc khai thác dầu đã chuyển biến đáng kể, đảm bảo thu về nguồn ngoại tệ lớn. Đất nước dựa nhiều vào trữ lượng dầu mỏ dồi dào (trên 20 tỷ tấn). Arập Xêut đang nỗ lực thay đổi công tác quản lý cân đối hơn (hóa học, luyện gang thép, nhà máy xi măng), xây dựng các vùng công nghiệp xung quanh Dammam, Djedda, Rijad hiện đại hoá các thiết bị cảng trên biển Đỏ và vùng Vịnh.

Về xã hội, chính phủ đã triển khai một chính sách xã hội (chiếm 7,6% chi phí của nhà nước), nhất là trong lĩnh vực y tế, với 25 giường bệnh/1000 dân được đề ra như là mục tiêu kế hoạch thứ hai, nhưng 90%

nhân sự vẫn là người nước ngoài. Nhà nước cũng nỗ lực trong lĩnh vực đào tạo (xây dựng các trường đại học y ở Djedda và Damman), đào tạo nhân sự cho các dịch vụ xã hội, đào tạo những người làm công ăn lương trong các doanh nghiệp thương mại hoặc công nghiệp. Ả-rập Xê-út có tiềm năng kinh tế lớn, hệ thống giao thông, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, đô thị khá phát triển.

- Chênh lệch kinh tế giữa các nước khá lớn

Các nước trong khu vực này phát triển không đều, việc khai thác dầu đôi khi đã làm đảo lộn những truyền thống. Những nước khác trên bán đảo này nghèo hơn Ả-rập Xê-út và ít nhiều đều cần nước láng giềng lớn này hỗ trợ. Các nước này đều có chung tôn giáo, đều có dầu mỏ. Tuy nhiên, những quốc gia nhỏ bé này cũng có sự khác nhau đáng kể: nếu tính theo tổng sản phẩm quốc nội trên đầu người cũng như nợ nước ngoài, cho phép ta chia các nước này ra 2 nhóm: nhóm những nước giàu (GDP đầu người tới 5000 USD và không có nợ nước ngoài như: Côoet, các tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất, Cata), các nước yếu (Baranh) và nghèo như Yêmen (GDP đầu người vừa đạt 500 USD và nặng nợ).

Thành phần dân tộc cũng nói lên sự khác nhau giữa các nước. Ngoài Yêmen, nơi có 90% dân số là người Ả-rập, các nước khác có các dân tộc gốc châu Á (khoảng 20% ở Côoet, 10% trong Các tiểu vương quốc) hoặc châu Phi đến đây vì lý do tôn giáo hoặc kinh tế. Dân nhập cư tại đây luôn chiếm hơn 20% dân số. Điều này chứng tỏ khu vực này thiếu lực lượng lao động hoặc không có đủ nhân viên có trình độ.

Dân số nơi đây tiến gần tới dân số của Ả-rập Xê-út, tuy nhiên mức tăng trưởng thì khác nhau: Baranh, Côoet, các tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất có tỷ lệ chết ở trẻ dưới 5%, chăm sóc y tế cũng như việc cung

cấp lương thực đã được cải thiện. Ở Yêmen thì ngược lại: tỷ lệ chết ở trẻ sơ sinh trên 13% và không đủ lương thực. Những cách biệt ấy là do tiềm năng kinh tế và dầu mỏ. Các tiểu vương quốc Côoet, Baranh, Cata, Ôman có thu nhập tăng gấp 10 lần từ năm 1970. Ở Côoet hay một số vùng của Các tiểu vương quốc, của cải một phần được phân bố theo hình thức phúc lợi xã hội; giáo dục và chăm sóc y tế miễn phí, nhà ở cho thuê với mức giá tượng trưng.

Một số nước vẫn duy trì truyền thống thương nghiệp của Trung Đông. Dubai là thị trường vàng cực lớn (chiếm gần 10% trao đổi toàn cầu). Baranh đã phát triển khu vực dịch vụ như ngân hàng, thị trường chứng khoán phục vụ cho sự bùng nổ về dầu mỏ. Cuối cùng, tất cả các nước giàu có này đã hiện đại hóa trang thiết bị cảng: cảng mới Dubai được coi như "cảng Rotterdam của vùng Vịnh". Côoet đã phát triển công nghệ đánh cá, các nhà máy điện và xi măng.

Yêmen có phần thiệt thòi hơn. Dân số chủ yếu tập trung ở nông thôn, trong khi đó ở các nước vùng Vịnh, dân số đã được đô thị hóa tới 80%. Mặc cho một số phát hiện mới về dầu mỏ, kinh tế chủ yếu dựa vẫn trên nông nghiệp lạc hậu. Sản xuất nông nghiệp chỉ giới hạn ở việc trồng bo bo và bông trên 40% đất canh tác. Nước Yêmen thống nhất (năm 1990) ra đời đồng thời kéo theo những khó khăn. Phương sách của Irắc trong chiến tranh vùng Vịnh đã tước đi của Yêmen sự trợ giúp tài chính của các nước quân chủ Ả-rập và khiến hơn 1 triệu lao động người Yêmen làm thuê ở Ả-rập phải hồi hương. Xung đột biên giới với Ả-rập liên quan tới một vùng có dầu mỏ làm nản chí các công ty dầu khí được mời tới thăm dò. Trong khi đó, sự phát triển kinh tế chủ yếu dựa trên sự phát hiện ra dầu mỏ ở Chabwa (10 triệu tấn/năm).

*** Dầu mỏ và thu nhập từ dầu mỏ**

Thu nhập chủ yếu của các nước trong bán đảo Ả-rập là từ dầu mỏ (thường từ 60-

90% tổng thu nhập). Tài sản to lớn và mới mẻ này đã làm đảo lộn các xã hội truyền thống, thậm chí cổ hủ. Việc quản lý tài sản là một điều tế nhị. Trên phương diện quốc tế, OPEC giải quyết các vấn đề theo nguyên tắc (giá cả và hạn mức sản xuất), nhưng các nước sản xuất khổng lồ nhất là Ả-rập Xê-út có sức nặng chính trị lớn và khả năng hành động do chịu áp lực thực tiễn (chẳng hạn tự điều chỉnh sản lượng để tăng giá).

Những cách quản lý nội bộ không phải lúc nào cũng giống nhau bởi nó phải tính đến mối quan hệ giữa thu nhập dầu mỏ và số dân. Những nước có mức sản xuất trung bình (Ôman) hoặc yếu (Yêmen) chơi trò đoàn kết để giữ giá, nhưng sử dụng phần lớn vốn cho việc phát huy và phát triển trước mắt mà không lên kế hoạch đầu tư lâu dài.

Các nước sản xuất lớn thì ngược lại, không những vừa hiện đại hóa nền kinh tế mà còn đầu tư ra nước ngoài: Côoet đã đầu tư những khoản tiền lớn vào bất động sản, vào các hãng công nghiệp hoặc thương nghiệp, kể cả vào chứng khoán, vào Tây Âu và Mỹ. Ả-rập Xê-út cũng đã làm tương tự. Những nước phát triển khả năng lọc dầu trên lãnh thổ của mình là Baranh, Dubai, Côoet. Cuối cùng, những nước mạnh dạn nhất đã tiến hành đa dạng hóa sản xuất công nghiệp ở địa phương: hóa học, xi măng, công nghiệp cơ khí ở Ả-rập Xê-út, sửa chữa tàu ở Baranh, đầu tư vào nghiên cứu nguồn năng lượng mới (năng lượng hạt nhân). Tình thế này đã cho phép giảm nhẹ cú sốc dầu mỏ năm 1985-1987 tác động tới các nước sản xuất dầu, thu nhập giảm từ 10-20%, nền kinh tế của các nước phụ thuộc lớn vào dầu mỏ đã làm rạn vỡ tình đoàn kết giữa các thành viên của OPEC, vì lợi ích chống đối nhau (bán hạ giá, vượt hạn ngạch). Giá dầu thô giảm đáng kể đã khiến một bộ phận dân nhập

cư ra đi, làm đình đốn, trì hoãn hoặc hủy bỏ các dự án có vốn đầu tư từ thu nhập của dầu mỏ.

Tài liệu tham khảo

1. Cao Văn Liên, *Tìm hiểu các nước và các hình thức nhà nước trên thế giới*, NXB Thanh niên, Hà Nội 2003
2. Học Viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Phân Viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Chính trị học, *Thế chế chính trị thế giới đương đại*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2003
3. MENA Development Report, *Trade, Investment and Development in the Middle East and North Africa: Engaging with the World*, The World Bank 2003
4. Middle East Times tại www.metimes.com
5. NXB Chính trị Quốc gia, *Các nước và một số lãnh thổ trên thế giới*, tập 1 và 2, Hà Nội 1994
6. Tài liệu hội thảo Quốc tế về *Asia-Middle East Dialogue* tại Singapore, 20-22 tháng 6- 2005
7. Tạp chí *NVD Kinh tế Thế giới* các năm từ 1990 đến 2004
8. The Middle East Journal tại www.mideasti.org/programs/programs_journal.html
9. The World Bank, *Economic Growth in the 1990s: Learning from a Decade of Reform*, WB 2005
10. TTX Việt Nam, *Tài liệu tham khảo đặc biệt, Tin kinh tế*, các số từ 2000 đến 6/2005
11. Washington report on Middle East Affairs tại www.washington-report.org

